

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG TRẠCH
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 19/2024/HNGĐ-ST

Ngày 30-10-2024

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
chia tài sản khi ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Thực

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tạo

2. Ông Phạm Thanh Đông

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Thị Thanh Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:** Ông Trịnh Cao Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình mở phiên Tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 13/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2024, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 17/9/2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Cẩm L; nơi ĐKKHKT: thôn X, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; chỗ ở: khu phố 5, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

2. **Bị đơn:** Anh Trần Mạnh H; nơi cư trú: thôn X, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Ngân hàng TMCP Á ; địa chỉ: Số 442 - N, Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Từ Tiên P - Tổng Giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đình L - Phó Giám đốc Phòng Quản lý nợ Ngân hàng TMCP Á ;

Người được ủy quyền lại: Bà Nguyễn Ngọc T - Nhân viên xử lý nợ Ngân hàng TMCP Á Chi nhánh Quảng Bình (văn bản ủy quyền số 816/UQ-QLN.24 ngày 13/6/2024); địa chỉ: Số 188 - T, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

+ Chị Trần Thị Thu T; nơi ĐKKHKT: Tổ 9, khu phố 2, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; chỗ ở: Số 220 - Q, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 28/02/2024, bản tự khai, biên bản phiên họp và hòa giải, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm L trình bày: Về quan hệ hôn nhân thì giữa chị và anh Trần Mạnh H có quá trình tìm hiểu và đi đến hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đã đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã Q (nay là xã L), huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình vào ngày 24/01/2007. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn X, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Cuộc sống chung vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Đến giữa năm 2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, là do vợ chồng không hợp tính tình nhau, bất đồng về quan điểm sống nên thường xảy ra cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ ngày 18/10/2023 cho đến nay. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được và nhận thấy thật sự không còn tình cảm gì với anh Trần Mạnh H nữa, không thể tiếp tục cuộc sống chung vợ chồng để xây dựng gia đình hạnh phúc được, nên mong muốn được ly hôn với anh H để sớm ổn định cuộc sống.

Về quan hệ con chung: Theo chị L thì giữa vợ chồng có 03 con chung tên là Trần Nguyễn Uyên T, sinh ngày 05/8/2007; Trần Nguyễn Uyên N, sinh ngày 21/02/2014 và Trần Nguyễn Hoài A, sinh ngày 20/10/2017. Sau khi ly hôn, chị L có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả 03 con chung và yêu cầu anh H phải có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng đối với mỗi người con là 1.000.000 đồng, cho đến khi con thành niên.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị L trình bày, quá trình chung sống vợ chồng có tạo dựng được khối tài sản chung là thửa đất số 232, tờ bản đồ số 48 tại thôn X, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình và 01 căn nhà đồ kiên cố ở trên đất, tổng giá trị tài sản chung khoảng 1.600.000.000 đồng (một tỷ sáu trăm triệu đồng). Sau khi ly hôn chị L có nguyện vọng giao lại nhà và đất cho anh H quản lý, sử dụng và yêu cầu anh H thanh toán cho chị số tiền chênh lệch trên tổng giá trị tài sản chung. Giữa vợ chồng có nợ tại Ngân hàng TMCP Á số tiền 200.000.000 đồng. Sau khi ly hôn, anh H trả toàn bộ số tiền nợ chung cho Ngân hàng. Ngày 16/9/2024, trước khi đưa vụ án ra xét xử, chị Nguyễn Thị Cẩm L rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu giải quyết về quan hệ tài sản chung và nợ chung.

Tại bản tự khai, biên bản phiên họp và hòa giải, bị đơn anh Trần Mạnh H trình bày: Về quan hệ hôn nhân thì anh và chị Nguyễn Thị Cẩm L có quá trình tìm

hiếu và đi đến kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đã đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã Q (nay là xã L), huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình vào ngày 24/01/2007. Sau khi kết hôn vợ chồng sống đầm ấm hạnh phúc tại thôn X, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Đến cuối năm 2023 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, là do vợ chồng không hợp tính tình nhau, không có sự tôn trọng và tin tưởng lẫn nhau nên thường xuyên cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Anh nhận thấy cuộc sống vợ chồng như vậy sẽ không mang lại hạnh phúc được nên nguyện vọng mong muốn được ly hôn và đồng ý ly hôn theo yêu cầu, đề nghị của chị L để ổn định cuộc sống.

Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 03 con chung tên là Trần Nguyễn Uyên T, sinh ngày 05/8/2007; Trần Nguyễn Uyên N, sinh ngày 21/02/2014 và Trần Nguyễn Hoài A, sinh ngày 20/10/2017. Sau khi ly hôn, anh H có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả 03 con chung và không yêu cầu chị L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Anh H trình bày, quá trình chung sống vợ chồng có tạo dựng được khối tài sản chung là thửa đất số 232, tờ bản đồ số 48 tại thôn X, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình và 01 ngôi nhà đồ kiên cố ở trên đất. Sau khi ly hôn, anh đồng ý với phương án phân chia tài sản của chị L là anh nhận tài sản là thửa đất và ngôi nhà trên đất và thanh toán giá trị chênh lệch cho chị L. Tuy nhiên, giá trị tài sản chung anh chị chưa xác định được bao nhiêu nên cần phải xác định cụ thể để đưa ra phương án giải quyết. Vợ chồng có nợ tại Ngân hàng TMCP Á số tiền 200.000.000 đồng. Sau khi ly hôn, anh H yêu cầu mỗi người thanh toán một nửa khoản nợ. Ngày 16/9/2024, chị L rút một phần yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung, nợ chung của vợ chồng, anh H không có ý kiến gì.

Đại diện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP Á, bà Nguyễn Ngọc T trình bày: Ngày 30/3/2023, Ngân hàng TMCP Á (gọi tắt là ACB) cấp tín dụng cho anh Trần Mạnh H và chị Nguyễn Thị Cẩm L theo Hợp đồng cấp tín dụng số BDN.CN.3715.270323. Ngày 29/3/2023, anh H và chị L đã thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 232, tờ bản đồ số 48, địa chỉ: thôn X, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả nợ với ACB, theo Hợp đồng thế chấp số BDN.BĐCN.402.270323 được công chứng tại Văn phòng công chứng Nhất Tín, đăng ký thế chấp theo quy định. Chị L khởi kiện yêu cầu ly hôn và giải quyết chia tài sản chung, nợ chung thì ACB trình bày ý kiến như sau: Về yêu cầu ly hôn và quyền nuôi con: ACB không có ý kiến. Về yêu cầu chia nghĩa vụ trả nợ chung tại ACB: Anh H và chị L cùng ký Hợp đồng cấp tín dụng số BDN.CN.3715.270323 ngày 30/3/2023 để vay tiền ACB. Đến nay, Hợp đồng tín dụng vẫn còn hiệu lực. Do đó, anh H và chị L phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho ACB theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng ngay cả khi anh H, chị L ly hôn theo quy định của Bộ luật Dân sự, Luật Hôn nhân và gia đình, Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Về yêu cầu chia tài sản chung đang thế chấp tại ACB: Hợp đồng thế chấp thửa đất số 232 ký giữa ACB và anh H, chị L cũng như việc thế chấp thửa đất số 232 đã

được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật tại điểm a khoản 3 Điều 167 Luật Đất đai 2013: “Hợp đồng chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất phải được công chứng hoặc chứng thực” và điểm c khoản 1 Điều 10, khoản 1 Điều 11 Văn bản hợp nhất số 8019/VBHN-BTP ngày 10/12/2013 của Bộ Tư pháp hợp nhất Nghị định về giao dịch bảo đảm: “Việc thế chấp quyền sử dụng đất, quyền sử dụng rừng, quyền sở hữu rừng sản xuất là rừng trồng, tàu bay, tàu biển có hiệu lực kể từ thời điểm đăng ký thế chấp” và “Giao dịch bảo đảm có giá trị pháp lý đối với người thứ ba kể từ thời điểm đăng ký”. Vì vậy, Hợp đồng thế chấp thửa đất số 232 có hiệu lực pháp luật nên tài sản thế chấp phải được tiếp tục dùng để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả nợ của anh H, chị L với ACB cho đến khi việc thế chấp tài sản chấm dứt theo quy định tại Điều 327 Bộ luật Dân sự 2015.

Vì vậy, ACB không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị L về chia nghĩa vụ trả nợ chung và chia tài sản chung đang được thế chấp tại ACB. ACB đề nghị Tòa án chỉ xem xét các yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung sau khi anh H, chị L hoàn thành mọi nghĩa vụ với ACB theo Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp đã ký kết nhằm bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của ACB theo đúng quy định pháp luật. Ngày 16/9/2024, chị L rút một phần yêu cầu khởi kiện về chia nghĩa vụ trả nợ chung và chia tài sản chung đang được thế chấp tại ACB, đối với yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn, yêu cầu nuôi con chung giữa chị L và anh H, ACB không có ý kiến gì.

Tại bản tự khai, đơn trình bày ý kiến, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị Thu T trình bày: Về vấn đề quan hệ tình cảm và quan hệ nuôi con chung giữa anh Trần Mạnh H và chị Nguyễn Thị Cẩm L thì chị Thanh không có ý kiến gì, vợ chồng anh H, chị L tự quyết định. Vợ chồng giải quyết, phân chia phần tài sản, đất đai thì chị Thanh đề nghị anh H, chị L trả lại phần đất hơn 01m đã mượn của chị. Ngày 16/9/2024, chị L rút một phần yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung, nợ chung thì chị Thanh không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã tuân theo pháp luật tố tụng. Anh Trần Mạnh H, đại diện Ngân hàng ACB, chị Trần Thị Thu T vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt theo quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 157, 158, 165, 166, 227, 228 và Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Cẩm L và anh Trần Mạnh H.

Về quan hệ con chung: Giao con chung là Trần Nguyễn Uyên T, sinh ngày 05/8/2007; Trần Nguyễn Uyên N, sinh ngày 21/02/2014 và Trần Nguyễn Hoài A, sinh ngày 20/10/2017 cho chị Nguyễn Thị Cẩm L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Trần Mạnh H có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị L mỗi tháng đối với mỗi người con số tiền là 1.000.000 đồng. Thời gian đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung kể từ tháng 11/2024 trở đi, cho đến khi con thành niên.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu đã rút của chị Nguyễn Thị Cẩm L về việc chia tài sản chung và nợ chung khi ly hôn.

Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn thống nhất tự nguyện chịu toàn bộ tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản.

Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Cẩm L chịu 150.000 đồng tiền án phí ly hôn. Được trừ vào tiền tạm ứng án phí 33.000.000 đồng mà chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình theo biên lai thu số 0002075, ngày 18/3/2024. Trả lại cho chị Nguyễn Thị Cẩm L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 32.850.000 đồng. Anh Trần Mạnh H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ để nộp sung vào ngân sách nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Cẩm L khởi kiện yêu cầu xin ly hôn, nuôi dưỡng con chung, chia tài sản chung. Vì vậy, xác định đây là tranh chấp về ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Trần Mạnh H, đại diện Ngân hàng và chị Trần Thị Thu T vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt anh Trần Mạnh H, bà Nguyễn Ngọc T và chị Trần Thị Thu T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Cẩm L và anh Trần Mạnh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q (nay là xã L), huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình vào ngày 24/01/2007, vì vậy quan hệ hôn nhân là hoàn toàn hợp pháp. Sau khi kết hôn, thời gian đầu cuộc sống chung vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Tuy nhiên, không lâu sau đó đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, là do vợ chồng không hợp tính nhau, luôn bất đồng về quan điểm sống, không tôn trọng và không tin tưởng lẫn nhau, do vậy thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau; hai bên đã sống ly thân từ cuối năm 2023 cho đến nay, không tìm được hướng đi chung, không còn quan tâm, lo lắng gì đến nhau, không còn giải pháp hàn gắn và xác định không còn tình cảm vợ chồng, không thể tiếp tục sống chung cùng nhau được nữa. Chị L và anh H thống nhất thỏa thuận tự nguyện ly hôn. Hội đồng xét xử,

căn cứ quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Cẩm L và anh Trần Mạnh H.

[3] Về quan hệ con chung:

[3.1] Giữa chị Nguyễn Thị Cẩm L và anh Trần Mạnh H có 03 con chung tên là Trần Nguyễn Uyên T, sinh ngày 05/8/2007; Trần Nguyễn Uyên N, sinh ngày 21/02/2014 và Trần Nguyễn Hoài A, sinh ngày 20/10/2017. Sau khi ly hôn chị L, anh H đều có yêu cầu, nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung. Xét nguyện vọng mong muốn được nuôi con của chị L, anh H là hoàn toàn hợp pháp. Tuy nhiên, khi ly hôn cần xem xét điều kiện, cơ sở mỗi bên, điều kiện phát triển lành mạnh, bình thường của các cháu mà tiếp tục giao cho một trong hai bên trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Xét điều kiện, nguyện vọng mong muốn được nuôi con của chị L là chính đáng vì các con chung hiện đang do chị L chăm sóc, nuôi dưỡng và các cháu cũng có nguyện vọng xin được ở với mẹ nếu ba mẹ ly hôn. Trong khi anh H phải đi làm ăn, không có thời gian để gần gũi, chăm sóc con cái. Do vậy, giao con chung cho chị Nguyễn Thị Cẩm L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

[3.2] Sau ly hôn, chị L yêu cầu anh H phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng đối với mỗi người con số tiền là 1.000.000 đồng. Xét thấy, việc chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là trách nhiệm, nghĩa vụ của cả cha và mẹ. Người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị L là có cơ sở, có căn cứ chấp nhận, do vậy, cần buộc anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với mức mỗi tháng 1.000.000 đồng cho mỗi người con, như vậy là phù hợp với điều kiện, tình hình, nhu cầu thực tế. Thời gian đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung kể từ tháng 11/2024 trở đi, cho đến khi con thành niên.

[4] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án, chị L có yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng. Trước khi đưa vụ án ra xét xử, chị Nguyễn Thị Cẩm L rút yêu cầu giải quyết về việc chia tài sản chung, nợ chung khi ly hôn. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng không có ý kiến, yêu cầu gì. Xét thấy, việc rút yêu cầu của chị Nguyễn Thị Cẩm L là phù hợp, hoàn toàn tự nguyện nên chấp nhận, vì vậy Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu đã rút.

[5] Xét quan điểm, đề xuất của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về chi phí tố tụng: Tổng số tiền chi phí tố tụng tạm thu của nguyên đơn là 6.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 1.600.000 đồng, còn lại 4.400.000 đồng. Đối với số tiền còn lại 4.400.000 đồng đã được giao trả lại cho nguyên đơn. Nguyên đơn, đã rút yêu cầu giải quyết về chia tài sản chung, nợ chung và thống nhất tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng 1.600.000 đồng. Số tiền này được khấu trừ vào tiền tạm ứng chi phí tố tụng mà nguyên đơn đã nộp.

[7] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Cẩm L thống nhất chịu tiền án phí ly hôn để sung vào ngân sách nhà nước. Anh Trần Mạnh H phải chịu tiền án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ để sung vào ngân sách nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 157, 158, 165, 166, 227, 228 và Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Cẩm L và anh Trần Mạnh H.

2. Về quan hệ con chung:

2.1. Giao con chung là Trần Nguyễn Uyên T, sinh ngày 05/8/2007; Trần Nguyễn Uyên N, sinh ngày 21/02/2014 và Trần Nguyễn Hoài A, sinh ngày 20/10/2017 cho chị Nguyễn Thị Cẩm L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

2.2. Anh Trần Mạnh H có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị L mỗi tháng đối với mỗi người con số tiền là 1.000.000 đồng. Thời gian đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung kể từ tháng 11/2024 trở đi, cho đến khi con thành niên.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu đã rút của chị Nguyễn Thị Cẩm L về việc chia tài sản chung và nợ chung khi ly hôn.

4. Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn thống nhất tự nguyện chịu toàn bộ tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản là 1.600.000 đồng. Số tiền này được khấu trừ vào tiền tạm ứng chi phí tố tụng mà nguyên đơn đã nộp.

5. Về án phí sơ thẩm:

5.1. Chị Nguyễn Thị Cẩm L chịu 150.000 đồng tiền án phí ly hôn. Số tiền án phí chị L phải chịu trên được trừ vào tiền tạm ứng án phí 33.000.000 đồng mà chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình theo biên lai thu số 0002075, ngày 18/3/2024. Trả lại cho chị Nguyễn Thị Cẩm L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 32.850.000 đồng.

5.2. Anh Trần Mạnh H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ để nộp sung vào ngân sách nhà nước.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Báo cho nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Báo cho bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Quảng Trạch;
- Chi cục THADS huyện Quảng Trạch;
- UBND xã L;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Ngọc Thực